

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST

Ngày: 22-9-2023

V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Hoàng Sơn.

- Ông Lương Tú Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2023/TLST - DS, ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Ngọc Đ - Chức vụ: Phó trưởng phòng giao dịch Ea H'Leo - Chi nhánh Đắk Lắk, theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 01/2023/UQ-EHL ngày 01/8/2023 của trưởng Phòng giao dịch Ea H'Leo - Ngân hàng TMCP S; có mặt.

Địa chỉ: Số 435 đường G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Tri C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Tri C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc người đại diện cho nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng S) trình bày:

Ngày 29/6/2018 ngân hàng S có ký với ông Nguyễn Xuân H hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và bên ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng. Quá trình sử dụng ông H có rút số tiền 40.000.00 vào ngày 22/8/2018, sau đó ngày 22/10/2018 ông H đã trả cho ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng cùng lãi suất.

Quá trình sử dụng ông H rút và trả lãi nhiều lần, đến ngày cuối cùng 22/7/2019 ông rút số tiền 44.400.000 đồng và sau đó ông trả được nhiều lần, ngân hàng đã trừ đi số tiền ông trả vào. Bắt đầu từ ngày 22/8/2020 ông H ngưng không thanh toán bất kỳ số tiền nào liên quan đến hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên cho ngân hàng nữa. Tính đến ngày 27/02/2023 ông H nợ ngân hàng số tiền 70.637.654 đồng, trong đó nợ gốc là 36.393.500 đồng, nợ lãi là 34.244.154 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Xuân H trả số tiền 70.637.654 đồng và lãi suất kể từ ngày 28/02/2023 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Nguyễn Xuân H trả số nợ và không yêu cầu bà Phùng Thị T – vợ ông H liên đới cùng trả số tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Vào ngày 15/6/2018 ông H có ký với ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng. Quá trình ký ông H rút và trả nhiều lần, không nhớ rõ. Do là khách hàng vip của ngân hàng nên ngân hàng làm cho ông H cái thẻ tín dụng, khi nào có tiền thì trả qua đó cho tiện. Đến tháng 4 hoặc tháng 5 năm 2019 ông H có đến thanh toán cho ngân hàng liên quan đến hợp đồng tín dụng của ông H và đồng thời thanh toán luôn số nợ theo thẻ tín dụng, số tiền thanh toán là hơn 02 tỷ đồng. Sau khi thanh toán thì thẻ của ông H đã bị khóa và không có giao dịch gì liên quan đến thẻ tín dụng đó nữa cả. Hiện nay ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 70.637.654 đồng, trong đó nợ gốc là 36.393.500 đồng và nợ lãi là 34.244.154 đồng (lãi suất tính đến hết ngày 27/02/2023) ông H không đồng ý trả vì đã trả hết nợ cho ngân hàng. Quá trình từ năm 2019 cho đến nay ông H không sử dụng và không thanh toán bất kỳ số tiền nào cả nên không có việc ông H đã thanh toán đến hết tháng 8/2020. Tuy nhiên, quá trình trả nợ toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc trả nợ hợp đồng tín dụng và hợp đồng liên quan đến thẻ tín dụng đã làm thất lạc nên không có giấy tờ gì chứng minh cho việc đã trả nợ cho ngân hàng vì theo ông H nếu ông không thanh toán toàn bộ số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và thẻ tín dụng thì ông không tất toán được số nợ liên quan đến hợp đồng tín dụng có thể chấp tài sản ngân hàng.

Số tiền này là tôi làm thẻ tên tôi và vay riêng sử dụng mục đích riêng không liên quan gì đến vợ tôi là bà Phùng Thị T. Vợ tôi trình bày như trong biên bản lấy lời khai là không đúng.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị

T trình bày:

Bà T trình bày bà T không biết ông H ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng S, nhưng bà T biết ông H vay số tiền này về đầu tư cho gia đình, nhưng ông H đã trả cho ngân hàng rồi, không còn nợ ngân hàng nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng S, cần buộc ông Nguyễn Xuân H trả cho ngân hàng S số nợ gốc 36.393.500 đồng và lãi suất phát sinh theo như trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn ngân hàng S với bị đơn ông Nguyễn Xuân H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phùng Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt; theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải với bà Thúy được.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tiến hành triệu tập họp lệ T đến tham gia phiên tòa nhưng bà T có đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Ngày 29/6/2018, ông Nguyễn Xuân H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng S; căn cứ vào thu nhập của ông H đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 44.400.000 đồng. Sau đó, ông H không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng S số nợ gốc và lãi suất như thỏa thuận. Hiện nay, ngân hàng S cho rằng ông H còn nợ số tiền gốc là 36.393.500 đồng và lãi suất phát sinh nên yêu cầu ông H trả các khoản nợ trên.

Quá trình làm việc ông Hải thừa nhận có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng, nhưng cho rằng đến tháng 4, hoặc 5/2019 đã thanh toán, không nợ nữa. Vì vậy, ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng S.

[2.1] Về số nợ gốc: Ông H có thừa nhận có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và có sử dụng khoản tín dụng như ngân hàng S trình bày. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Ông H còn nợ ngân hàng S 36.393.500 đồng tiền nợ gốc. Ngân hàng S đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản nhưng ông H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản. Việc ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng S, nên Ngân hàng S yêu cầu ông H trả 36.393.500 đồng nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về việc thanh toán khoản vay: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H cho rằng đã thanh toán toàn bộ số nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vào thời gian tháng 4 hoặc tháng 5/2019 nhưng ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ. Mặt khác, ngân hàng cũng không thừa nhận việc này nên việc ông H cho rằng đã trả nợ là không có căn cứ.

[2.3] Đối với ý kiến của bà T: Bà T không biết ông H ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng S, nhưng biết ông H vay số tiền này về đầu tư cho gia đình, nhưng ông H đã trả cho ngân hàng rồi, không còn nợ ngân hàng nữa. Ông H cho rằng ông vay về sử dụng mục đích riêng cho bản thân. Mặt khác, ngân hàng cũng chỉ yêu cầu ông H trả nợ. Vì vậy, không đề xem xét đối với việc bà T có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả số nợ này cho ngân hàng S.

[3] Về lãi suất: Ngân hàng S yêu cầu ông H trả tiền lãi trong hạn với mức lãi suất là 2,05%, lãi quá hạn với mức lãi suất 3,07%; thời gian tính từ ngày 22/8/2020 đến 20/9/2023 là 41.928.572 đồng. Trong bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và phụ lục hợp đồng có quy định về lãi suất linh động cho thẻ tín dụng cá nhân, nên cần chấp nhận. Tiền lãi suất trong hạn là 27.952.381 đồng, tiền lãi quá hạn là 13.976.191 đồng; tổng cộng, tiền lãi là 41.928.572 đồng.

[4] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của ngân hàng S được chấp nhận nên cần buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ngân hàng S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Xuân H trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là

78.322.072 đồng, (Bảy mươi tám triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 36.393.500 đồng; tiền nợ lãi là 41.928.572 đồng (lãi tạm tính đến ngày 20/9/2023).

Kể từ ngày 21/9/2023 ông Nguyễn Xuân H còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, theo mức lãi suất trong bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và phụ lục hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Xuân H phải chịu 3.916.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần S 1.750.000 đồng tiền án phí dân sự đã nộp (do Phạm Thiên L nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2021/0011176 ngày 15/3/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Người đại diện cho nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S; bị đơn ông Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Thúy vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa